

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/3/2021  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Ông Nguyễn Ngọc Phương

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị N; Sinh năm: 1986

HKKT: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã M, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa.

*2. Bị đơn:* Anh Bùi Xuân H; Sinh năm: 1987

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị N và anh H (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021 và bản tự khai ngày 07/01/2021 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Xuân H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2011 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngay cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ 03 năm nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 04/02/2011 và Bùi Gia B1, sinh ngày 07/9/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu luôn ở với bố và ông bà nội, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của các cháu, chị N yêu cầu được giao cả hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền 1.000.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2021, anh Bùi Xuân H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, tình cảm vợ chồng hòa thuận bình thường. Đến năm 2015, chị N thường xuyên đi làm ăn xa khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, sau đó chị N bỏ đi không về nhà anh nữa và vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, bản thân anh là người theo đạo thiên chúa nên anh không thể ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 04/02/2011 và Bùi Gia B, sinh ngày 07/9/2013. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị N đề nghị.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cũng tại biên bản lấy lời khai, anh H đề nghị không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Anh H cũng xin vắng mặt tại phiên Tòa sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Bùi Xuân H; Về con chung: Giao cháu Bùi Gia B, sinh ngày 04/02/2011 và Bùi Gia B, sinh ngày 07/9/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định

nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh H cũng đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị N và anh H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Bùi Xuân H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, do vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt dần. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ đến nay đã 03 năm và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị N và anh H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị N nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, trong khi đó anh H cũng không muốn hòa giải chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Bùi Xuân H.

[6] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Ly hôn, cả chị N và anh H đều yêu cầu giao cả hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Bản thân các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị N và anh H, giao cháu Bùi Gia B và Bùi Gia B cho anh H tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[7]. Về tài sản: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Bùi Xuân H.

Về con cái: Giao cháu Bùi Gia B, sinh ngày 04/02/2011 và Bùi Gia B, sinh ngày 07/9/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị N có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng chị N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị N đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2018/0002977 ngày 06/01/2021, chị N còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trịnh Thị N và anh Bùi Xuân H. Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**